

# ĐẶC ĐIỂM LAO ĐỘNG SƯ PHẠM VÀ KHUNG CHUẨN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM GIÁO VIÊN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

• PGS.TS. PHAN VĂN KHA

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

**N**gày nay, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) đang đứng trước yêu cầu là phải đảm bảo có chất lượng nhân lực qua đào tạo đáp ứng được yêu cầu thực tế của người sử dụng lao động, phù hợp với trình độ phát triển khoa học kĩ thuật và nhu cầu hội nhập quốc tế. Để thực hiện được điều đó, đội ngũ giáo viên (GV) TCCN giữ vai trò quyết định. Tuy nhiên, kết quả của những nghiên cứu gần đây cho thấy vấn đề phát triển đội ngũ GV TCCN chưa được các cấp quản lí và các ngành thực sự quan tâm, chưa có chuẩn, công cụ và quy trình đánh giá GV TCCN thống nhất trong hệ thống; công tác đào tạo và bồi dưỡng GV TCCN còn nhiều bất cập, dẫn đến chất lượng, đặc biệt là năng lực sư phạm của đội ngũ GV còn nhiều hạn chế.

Để thực hiện chuẩn hoá đội ngũ GV TCCN trong thời gian tới, một vấn đề cấp thiết đặt ra là phải gấp rút xây dựng và ban hành chuẩn nghiệp vụ sư phạm (NVSP) GV TCCN. Mục đích hàng đầu của Chuẩn là giúp GV tự đánh giá năng lực NVSP, từ đó xây dựng cho mình kế hoạch tự bồi dưỡng, phấn đấu không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng những yêu cầu mới. Đồng thời, trên cơ sở chuẩn NVSP GV TCCN, các cơ quan quản lí và các trường triển khai thực hiện đánh giá GV, đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng GV, thực hiện các chính sách phát triển đội ngũ GV TCCN trong thời gian tới.

## I. Một số khái niệm

- Nghiệp vụ sư phạm: là các hoạt động dạy học và giáo dục (theo nghĩa hẹp) của nhà giáo.
- Tiêu chuẩn (Standard): điều quy định làm căn cứ để đánh giá, phân loại.
- Tiêu chí (Criterion): tính chất, dấu hiệu làm căn cứ để nhận biết, xếp loại, đánh giá một sự vật, hiện tượng.
- Chỉ báo (Indicator): là đại lượng dùng để biểu thị cường độ, khuynh hướng biến động để xác định đặc trưng, dấu hiệu nào đó của sự vật, hiện tượng. Các chỉ báo có thể là những đại lượng bằng số (chỉ số).
- Mức (Level): trình độ đạt được về một tiêu chí xác định.

- Nguồn minh chứng (Evidence source): những tài liệu, tư liệu, hiện vật được GV hoặc các cơ quan quản lí lưu giữ trong quá trình làm việc và sẽ xuất trình khi cần chứng minh. Người đánh giá có thể xem nguồn minh chứng để kiểm tra, xác nhận mức tự đánh giá của GV, hoặc điều chỉnh mức đánh giá cho phù hợp với các minh chứng.

- Chuẩn NVSP GV TCCN: là hệ thống các yêu cầu cơ bản về dạy học và giáo dục mà GV TCCN cần phải đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu của GD TCCN.

Chuẩn NVSP GV TCCN được xây dựng thành các tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo và được đánh giá qua nguồn minh chứng. Mỗi tiêu chuẩn được cụ thể hoá, chi tiết hoá bằng các tiêu chí, mỗi tiêu chí bao gồm các chỉ báo tương ứng được xác định ở các mức độ khác nhau - căn cứ để so sánh, đánh giá.

## II. Mục đích xây dựng chuẩn NVSP GV TCCN

Chuẩn NVSP GV TCCN được xây dựng và ban hành nhằm mục đích:

- Giúp GV TCCN tự đánh giá năng lực sư phạm của bản thân, từ đó xây dựng cho mình kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục TCCN;
  - Giúp các cấp quản lí nhà nước và các cơ sở đào tạo TCCN đánh giá, xếp loại GV về năng lực sư phạm phục vụ công tác quản lí, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ GV; Làm căn cứ để xây dựng và thực hiện các chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp đối với GV TCCN;
  - Làm căn cứ để phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng GV TCCN ở các trường đại học sư phạm kĩ thuật và các khoa sư phạm kĩ thuật thuộc các trường đại học kĩ thuật và các cơ sở khác được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ bồi dưỡng NVSP cho GV TCCN.
- Chuẩn NVSP GV TCCN sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và mục tiêu giáo dục TCCN trong từng giai đoạn.

### III. Các phương pháp tiếp cận xây dựng chuẩn

#### 1. Tiếp cận hệ thống

Tiếp cận hệ thống trong xây dựng chuẩn NVSP của GV TCCN về thực chất cần xem xét tất cả các nhân tố và quá trình lao động sư phạm của GV TCCN theo chức năng và nhiệm vụ được quy định bởi Luật Giáo dục 2005 và các quy định hiện hành đối với GV TCCN trong quá trình xây dựng chuẩn.

#### 2. Tiếp cận mô hình hoạt động của GV TCCN

Mô hình hoạt động của GV TCCN rất đa dạng và phức tạp, bao gồm: 1/

Hoạt động dạy học; 2/ Hoạt động giáo dục HS; 3/ Hoạt động nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào việc đổi mới quá trình dạy học; 4/ Hoạt động học tập, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ NVSP của GV TCCN; 5/ Hoạt động xã hội (Hình 1).

##### a. Hoạt động dạy học

Đây là một hoạt động chủ yếu, cơ bản nhất của GV TCCN. Hoạt động của GV TCCN không chỉ đơn thuần là dạy học lí thuyết ở trên lớp, hướng dẫn thực hành ở phòng thí nghiệm mà còn trực tiếp hướng dẫn HS TCCN rèn luyện tay nghề cơ bản trong xưởng thực hành của nhà trường, phối hợp với các chuyên gia ở các doanh nghiệp, tại hiện trường trong việc hướng dẫn thực tập nghề nghiệp cho HS. Các hoạt động dạy học gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của quá trình dạy học nhằm thực hiện mục tiêu đặt ra. Các hoạt động dạy học cụ thể của người GV TCCN bao gồm :

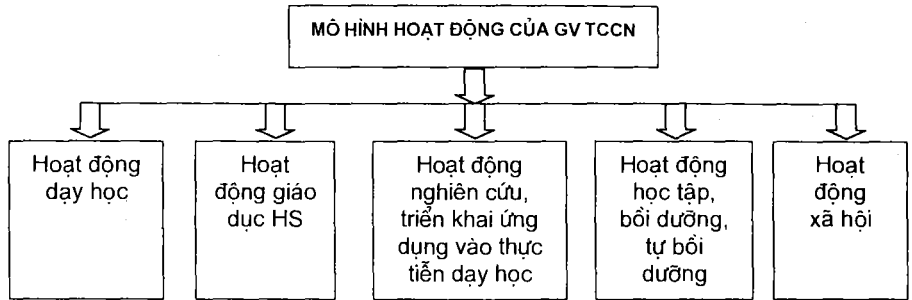
- Thu thập và xử lí thông tin về môn học;
- Thiết kế chương trình, nội dung và kế hoạch dạy học môn học do mình đảm nhiệm;
- Sử dụng các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học để dạy những nội dung lí thuyết, hướng dẫn HS thực hành, thực tập phù hợp với mục tiêu, nội dung dạy học và đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của HS. Người GV TCCN còn có nhiệm vụ đưa HS tham quan học tập tại các cơ sở sản xuất, công trình thực tế; Kích thích tính chủ động, tích cực sáng tạo của

HS trong quá trình học tập;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS; Thu thập, phân tích thông tin phản hồi từ phía HS và kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy học của mình;

- Giao tiếp và ứng xử khéo léo với đồng nghiệp và HS trong quá trình dạy học để đạt được các mục tiêu dạy học đề ra v.v...

Hình 1: Mô hình hoạt động của người GV TCCN



##### b. Hoạt động giáo dục HS

Hoạt động dạy học của GV TCCN không thể tách rời hoạt động giáo dục HS. GV TCCN thông qua các hoạt động dạy học, quản lí lớp học và các hoạt động giáo dục khác để giáo dục và hình thành nhân cách toàn diện cho HS, đặc biệt là giáo dục HS trở thành người công dân Việt Nam có lòng yêu nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tôn trọng pháp luật, có lòng tự hào dân tộc...; giáo dục lòng yêu nghề, thái độ nghề nghiệp đúng đắn; tính trung thực và tận tụy trong nghề nghiệp; tác phong công nghiệp và tính kỉ luật trong hoạt động nghề nghiệp; tính cẩn thận, tính chính xác; năng động và sáng tạo trong lao động nghề nghiệp; lòng vị tha và khiêm tốn trong cách ứng xử v.v...

##### c. Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào việc đổi mới quá trình dạy học của nhà trường

Để góp phần thực hiện được các chức năng và nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo TCCN, người GV TCCN còn phải triển khai các hoạt động nghiên cứu ở nhiều mức độ khác nhau để phát triển các chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành. Người GV TCCN không chỉ đơn thuần thường xuyên phải nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh chương trình môn học do mình đảm nhiệm giảng dạy cho phù hợp với những biến đổi kĩ thuật và công nghệ trong thực tiễn nghề nghiệp mà còn phải tham gia hoặc chủ trì xây dựng chương trình đào tạo mới.

d. Hoạt động học tập, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng

Để nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường, GV TCCN phải thường xuyên học tập và tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực sư phạm và chuyên môn nghề nghiệp của mình; nghiên cứu tư liệu và kinh nghiệm thực tiễn để thường xuyên cập nhật thông tin trong nội dung dạy học; đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, cải tiến đồ dùng dạy học. GV TCCN phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ với ý thức học suốt đời. Hoạt động này bao gồm:

- Tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực sư phạm và chuyên môn nghề nghiệp của mình;

- Tìm hiểu thực tế, vận dụng các kinh nghiệm thực tiễn vào công tác giáo dục;

Tìm hiểu các công nghệ mới, học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học để nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại vào thực tiễn hoạt động sư phạm.

e. Hoạt động xã hội

GV TCCN phải luôn tự rèn luyện mình trong các mối quan hệ xã hội, trau dồi vốn kiến thức và kinh nghiệm của xã hội để từng bước ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động nghề nghiệp nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

### 3. Tiếp cận năng lực thực hiện của GV

Trên cơ sở tiếp cận mô hình hoạt động, hoạt động sư phạm của GV TCCN được xem xét trên cơ sở 4 trong số 5 hoạt động cấu thành như đã đề cập ở trên, mỗi hoạt động cấu thành đòi hỏi một nhóm năng lực tương ứng, đó là: nhóm năng lực dạy học; nhóm năng lực giáo dục; nhóm năng lực nghiên cứu phục vụ đổi mới quá trình dạy học; nhóm năng lực bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực sư phạm của GV TCCN. Các năng lực sư phạm được cấu thành bởi sự tích hợp giữa kiến thức, kĩ năng và thái độ của GV TCCN trong lĩnh vực sư phạm tương ứng.

## IV. Cơ sở pháp lí của việc xây dựng chuẩn NVSP GV TCCN

### 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của GV TCCN

Điều lệ trường TCCN do Bộ GD&ĐT ban hành tại Quyết định số 43/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/7/2008 quy định nhiệm vụ, quyền của GV TCCN như sau:

- Nhiệm vụ của GV trường TCCN: Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lí GD, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục; Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ trường TCCN. Giữ

gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; Không ngừng học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, NVSP, đổi mới phương pháp giáo dục, nêu gương tốt cho người học; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền của GV trường TCCN: Được giảng dạy theo chuyên ngành đào tạo; Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở giáo dục khác và cơ sở nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác; Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; Được nghỉ hệ, nghỉ Tết âm lịch, nghỉ học kì theo quy định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ Luật Lao động; Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ và quyền của GV chủ nhiệm: Giúp hiệu trưởng trong việc quản lí, giáo dục và rèn luyện người học; Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động của lớp học do mình phụ trách; Phối hợp với các GV bộ môn, các tổ chức trong và ngoài trường, gia đình người học để quản lí và giáo dục người học.

### 2. Những yêu cầu chung đối với GV TCCN

Điều lệ trường TCCN quy định các tiêu chuẩn chung của GV TCCN bao gồm:

- Tiêu chuẩn chung của GV TCCN: Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và chứng chỉ bồi dưỡng NVSP theo quy định của Bộ GD&ĐT; Lí lịch bản thân rõ ràng.

- Yêu cầu về hành vi, ngôn ngữ ứng xử của GV trường TCCN: Hành vi, ngôn ngữ ứng xử và trang phục của GV trường TCCN phải mẫu mực, có tác dụng giáo dục đối với người học; không có các hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể của đồng nghiệp và người học; Gian lận trong tuyển sinh, thi cử, cố ý đánh giá sai kết quả học tập, rèn luyện của người học; Xuyên tạc nội dung giáo dục; ép buộc người học học thêm để thu tiền v.v...

## V. Đặc điểm và lao động sư phạm của đội ngũ GV TCCN

### 1. Đặc điểm đội ngũ GV TCCN

Đội ngũ GV TCCN hết sức đa dạng về cơ cấu môn dạy, về trình độ được đào tạo và nguồn đào tạo:

- GV dạy các môn văn hoá, các môn cơ sở và các môn chuyên môn. Riêng đối với GV dạy chuyên môn có: GV chuyên dạy lí thuyết chuyên môn; GV chuyên dạy thực hành chuyên môn; GV dạy cả lí thuyết và thực hành chuyên môn;

- Về cơ cấu trình độ được đào tạo: Công nhân kĩ thuật có tay nghề cao (GV chuyên dạy thực hành nghề); GV có trình độ đại học và thạc sĩ, tiến sĩ;

- GV TCCN được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, năng lực sư phạm còn rất hạn chế, còn một số GV TCCN chưa được qua các khoá đào tạo hay bồi dưỡng về NVSP:

\* Phần đông GV dạy thực hành được đào tạo từ các trường dạy nghề hoặc TCCN, có kinh nghiệm thực tiễn sản xuất hoặc kinh doanh, có tay nghề cao, đã qua các khoá bồi dưỡng NVSP bậc 1 và bậc 2;

\* Một bộ phận GV được đào tạo tại 5 trường sư phạm kĩ thuật trước đây (tương đương trung cấp sư phạm kĩ thuật), trường cao đẳng sư phạm kĩ thuật, đại học sư phạm kĩ thuật, đại học sư phạm kĩ thuật, các khoa sư phạm kĩ thuật thuộc các trường đại học (khoảng 30%). Số GV này được đào tạo tương đối bài bản về NVSP kĩ thuật, đặc biệt là những GV tốt nghiệp các trường đại học sư phạm kĩ thuật và các khoa sư phạm kĩ thuật của các trường đại học;

\* Phần đông GV TCCN được đào tạo từ các trường đại học kĩ thuật, kinh tế... (chiếm khoảng 70%) do nhu cầu được tuyển về làm công tác giảng dạy TCCN. Trong quá trình giảng dạy ở các trường, số GV này được tham dự các khoá bồi dưỡng NVSP bậc 1 và bậc 2.

\* Đặc thù trong công tác quản lí GV TCCN: Cơ quan quản lí các cơ sở đào tạo TCCN cũng rất đa dạng, một số trường do Bộ GD&ĐT trực tiếp quản lí; Một số cơ sở đào tạo TCCN do các bộ ngành khác quản lí; Một số cơ sở đào tạo TCCN do các địa phương quản lí. Do vậy, việc vận dụng các chính sách chung của Nhà nước và các chính sách riêng, đặc thù của các bộ, ngành, địa phương cũng khác nhau, trong đó có chính sách đối với đội ngũ GV.

## **2. Đặc điểm lao động sư phạm của GV TCCN**

Mục đích của lao động sư phạm ở trường TCCN là đào tạo thế hệ trẻ thành lực lượng lao động kĩ thuật, đáp ứng nhu cầu nhân lực của các ngành kinh tế xã hội trong từng thời kì. Lao động sư phạm của GV TCCN có những đặc điểm sau:

- Lao động của GV TCCN là lao động sư phạm trong môi trường giáo dục nghề nghiệp, trong suốt quá trình lao động luôn đòi hỏi người GV có mối quan hệ với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, tiếp xúc với các máy móc, thiết bị, kĩ thuật và công nghệ; môi trường giáo dục nghề nghiệp ở nhà trường và ở cả trong thực tế sản xuất, HS đã và đang ở độ tuổi trưởng thành.

- Đòi hỏi có khả năng giảng dạy được cả lí thuyết và thực hành nghề nghiệp, ứng dụng được các phương tiện giảng dạy hiện đại và phương pháp dạy học tích cực. Đặc biệt đòi hỏi có những kĩ năng đặc thù trong dạy thực hành nghề nghiệp trong môi trường ở xưởng trường (hướng dẫn ban đầu – hướng dẫn thường xuyên – hướng dẫn kết thúc) và trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh (hướng dẫn thực tập sản xuất).

- Tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển chương trình, học liệu mới, cập nhật và đổi mới chương trình đào tạo, giáo trình; đổi mới phương pháp dạy học; xây dựng mô hình, học cụ... mới đáp ứng được sự phát triển nhanh và mạnh mẽ về kĩ thuật và công nghệ trong thực tiễn sản xuất và kinh doanh;

- Luôn đòi hỏi phải được bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ: do khoa học kĩ thuật phát triển mà các quy trình công nghệ, thiết bị giảng dạy luôn thay đổi, đòi hỏi người GV TCCN luôn phải học tập, rèn luyện nâng cao trình độ để thích ứng về cả kiến thức và kĩ năng nghề. Mặt khác, phải cập nhật phương pháp giảng dạy hiện đại, định hướng vào người học, giúp người học chủ động trong học tập, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Có khả năng quản lí, hướng dẫn HS thực hành, thực tập tại các cơ sở sản xuất, dịch vụ. Có khả năng thu thập thông tin từ thực tế, đặc biệt là những tiến bộ khoa học kĩ thuật của ngành, sau đó đề xuất với nhà trường cải tiến nội dung chương trình hoặc làm mới chương trình đào tạo và bồi dưỡng GV để họ đáp ứng với yêu cầu đổi mới của chương trình.

- Tổ chức quá trình dạy thực hành tại xưởng trường và thực tập tại các doanh nghiệp; Tổ chức đưa học sinh đi thăm quan, học tập tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Cần phải có khả năng tư vấn nghề, tiếp thị, giới thiệu về các ngành nghề đào tạo của nhà trường;



- Có khả năng tiếp cận với các đơn vị sản xuất tốt, để tạo thuận lợi cho HS thực tập sản xuất theo nội dung chương trình của các ngành nghề đào tạo trình độ TCCN.

- Làm công tác chủ nhiệm lớp (quản lý HS nội và ngoại trú, giáo dục HS), phối hợp với các đơn vị, tổ chức xã hội khác ở trong và ngoài nhà trường để thực hiện giáo dục HS. GV có đủ phẩm chất để trở thành tấm gương cho HS và thuyết phục HS bằng chính bản thân mình.

- Có tác phong công nghiệp, làm công tác giáo dục HS không chỉ thông qua các môn học lí thuyết, giờ học trên lớp mà đặc biệt là trong thực hành, thực tập, trong môi trường thực tiễn sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong giáo dục thái độ và đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, v.v...

- Đánh giá kết quả học tập của HS, đặc biệt là đánh giá kĩ năng thực hành nghề nghiệp phải đảm bảo theo các chuẩn mực của sản xuất, kinh doanh; Có khả năng thực hiện kiểm tra, đánh giá khách quan, công bằng.

- Đánh giá kết quả rèn luyện của HS trên các mặt: tác phong công nghiệp; nề nếp trong sinh hoạt, học tập trên lớp, trong xưởng thực hành, xưởng sản xuất tại doanh nghiệp; tính kỉ luật trong học tập, sinh hoạt và trong thực hành thực tập; chấp hành nội quy học tập trên lớp, ở xưởng trường, xưởng sản xuất (nơi thực tập); chấp hành nội quy an toàn trong sử dụng thiết bị, phòng chống cháy nổ; vệ sinh công nghiệp...

- Tìm hiểu và vận dụng các kinh nghiệm thực tiễn vào công tác dạy học và giáo dục;

- Ứng dụng các phương tiện dạy học hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin vào việc nghiên cứu, đổi mới phương pháp và kĩ thuật dạy học, các phương pháp và kĩ thuật dạy thực hành nghề nghiệp để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học.

Những đặc điểm trên vừa mang cái chung của lao động sư phạm vừa mang cái riêng của lao động sư phạm TCCN và đặt ra yêu cầu chuẩn cho GV TCCN khác với GV của các cấp học, trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

## VI. Nguyên tắc xây dựng chuẩn

- Chuẩn phải tuân thủ những quy định đối với GV trong các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- Chuẩn phải tiếp thu vận dụng những xu hướng thế giới và những kinh nghiệm trong nước về xây dựng Chuẩn nghề nghiệp và công tác đánh giá GV.

- Chuẩn phải tiếp cận chuẩn trình độ, chuẩn chất lượng GV và phù hợp với khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

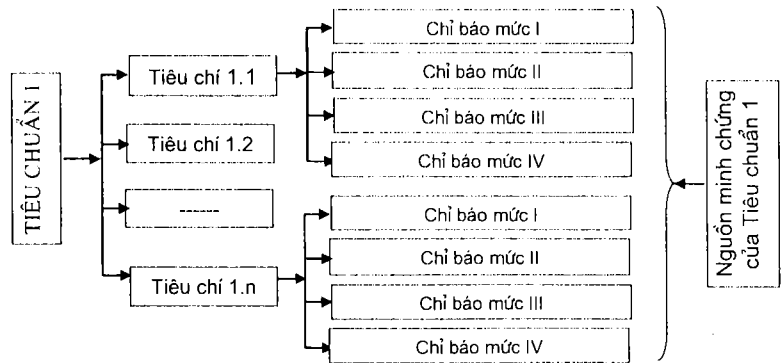
- Chuẩn phải đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, khả thi, dễ vận dụng.

## VII. Khung chuẩn NVSP GV TCCN

### 1. Cấu trúc chuẩn NVSP GV TCCN

Về mặt cấu trúc, Chuẩn NVSP GV TCCN bao gồm các tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn được cụ thể hóa bằng các tiêu chí, mỗi tiêu chí có 4 mức chỉ báo theo mức độ đạt được ứng với mỗi tiêu chí xác định và nguồn minh chứng (Hình 2).

Hình 2: Mô hình giản lược về cấu trúc của Chuẩn



Mỗi tiêu chí có một tên ngắn gọn để dễ nhớ, kèm theo một nội dung cô đọng, chứa đựng một lĩnh vực năng lực cụ thể thuộc mỗi tiêu chuẩn. Tất cả các tiêu chí đều được đánh giá theo các chỉ báo với thang 4 mức (mức 1, mức 2, mức 3, mức 4). Mỗi mức được cụ thể hoá bằng một số yêu cầu cụ thể, thấp nhất là mức 1, phản ánh yêu cầu tối thiểu GV TCCN phải đạt về tiêu chí đó, mức 4 phản ánh yêu cầu cao nhất về tiêu chí đó. Nguồn minh chứng được quy định chung cho từng tiêu chuẩn. Tùy từng tiêu chuẩn, các minh chứng được thể hiện hoặc bằng số lượng hoặc bằng chất lượng sản phẩm hoạt động của GV. Các nguồn minh chứng là các loại hồ sơ, sổ sách đã được quy định trong Điều lệ trường TCCN, có bổ sung thêm một số nguồn minh chứng cần thiết

khác: Mỗi nguồn minh chứng được mã hoá bằng số thứ tự để tiện trong quá trình đánh giá.

## 2. Khung chuẩn NVSP GV TCCN

Khung chuẩn NVSP GV TCCN gồm 6 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí được trình bày ở bảng chuẩn NVSP GV TCCN dưới đây:

thường xuyên và định kỳ đội ngũ GV, quy hoạch phát triển đội ngũ thông qua việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo và bồi dưỡng phù hợp, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách tạo động lực phát triển đội ngũ GV trong giai đoạn tới.

*Bảng chuẩn NVSP GV TCCN*

Tiêu chuẩn	Tiêu chí
1. Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục	1.1. Phân tích chương trình đào tạo 1.2. Xác định đặc điểm đối tượng và môi trường đào tạo 1.3. Lập kế hoạch dạy học lí thuyết, thực hành, thực tập 1.4. Lập kế hoạch các hoạt động giáo dục
2. Năng lực dạy học	2.1. Chuẩn bị các điều kiện, thiết bị dạy học 2.2. Đảm bảo nội dung chương trình dạy học lí thuyết, thực hành, thực tập 2.3. Vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lí thuyết, thực hành, thực tập 2.4. Sử dụng phương tiện dạy học lí thuyết, thực hành, thực tập 2.5. Tổ chức môi trường dạy học lí thuyết, thực hành, thực tập 2.6. Quản lí hồ sơ dạy học
3. Năng lực giáo dục	3.1. Giáo dục qua dạy học lí thuyết, thực hành, thực tập 3.2. Giáo dục qua các hoạt động giáo dục khác 3.3. Tư vấn phát triển nghề nghiệp, việc làm cho HS
4. Năng lực đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS	4.1. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lí thuyết, thực hành, thực tập 4.2. Kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện của HS
5. Năng lực hợp tác trong dạy học và giáo dục	5.1. Hợp tác với đồng nghiệp 5.2. Hợp tác với các chuyên gia ở các tổ chức, doanh nghiệp đối tác
6. Năng lực phát triển NVSP	6.1. Bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao NVSP 6.2. Tiến hành các hoạt động khác để nâng cao NVSP 6.3. Nghiên cứu phục vụ đổi mới dạy học và giáo dục

Tóm lại, nghiên cứu xây dựng chuẩn NVSP GV TCCN là một việc làm cấp thiết hiện nay. Tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên phương pháp tiếp cận hệ thống các hoạt động và mô hình hoạt động sư phạm của người GV TCCN, xây dựng bộ chuẩn NVSP GV TCCN với các nội dung cụ thể, bao hàm tất cả các hoạt động đa dạng trong dạy học và giáo dục của GV TCCN, bao gồm: Hoạt động dạy học; Hoạt động giáo dục HS; Hoạt động nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào việc đổi mới quá trình dạy học; Hoạt động học tập, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ NVSP của GV TCCN; Hoạt động xã hội. Tiêu chuẩn NVSP GV TCCN về bản chất là tiêu chuẩn năng lực sư phạm của GV TCCN, cần được xây dựng trên cơ sở tích hợp từ những yêu cầu về những kiến thức, kĩ năng NVSP và phẩm chất của người GV TCCN, trong đó đặc biệt là năng lực dạy thực hành nghề nghiệp. Chuẩn NVSP GV TCCN cần được sớm ban hành, làm căn cứ để hướng dẫn các cơ sở đào tạo TCCN đánh giá

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, *Nghiên cứu đánh giá thực trạng đội ngũ nhà giáo Việt Nam* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Hà Nội, 9/2007.
2. Phan Văn Kha (chủ nhiệm), *Đề tài "Thực trạng nghiệp vụ sư phạm GV TCCN và những đề xuất xây dựng chuẩn NVSP GV TCCN"*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2009.
3. Phan Văn Kha, *Đổi mới phương pháp dạy học trong hệ thống sư phạm*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, tháng 4-2007.
4. Bộ GD&ĐT, *Dự thảo Báo cáo Chuẩn NVSP GV TCCN*, Hà Nội, 5/2009.

## SUMMARY

*This article addresses the issue of professional standard framework for professional secondary teachers. In this the author presents: objectives of professional standards; approaches used for standard formulation; legal basis for the standards; characteristics of the teachers and pedagogical work of the professional secondary teachers; principles for professional standards and the professional standards framework for professional secondary.*